

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG  
NGHIỆP - VINACOMIN**

**Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến  
ngày 30/06/2013**





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN**  
Địa chỉ: Số 565 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin là Công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp – TKV (thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam) theo Quyết định số 3938/QĐ - BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103011515 ngày 28/03/2006. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về số cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần từ thay đổi lần thứ 1 đến lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp 0500237543 ngày 06/03/2013.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Đỗ Hồng Nguyên	Chủ tịch (từ ngày 16/03/2013)	(i)
Ông Phạm Công Hương	Chủ tịch (đến hết ngày 15/03/2013)	(ii)
Ông Dương Phi Hùng	Ủy viên (từ ngày 16/03/2013)	(ii)
Ông Nguyễn Tiến Chính	Ủy viên (đến hết ngày 15/03/2013)	(ii)
Ông Lê Văn Duẩn	Ủy viên (từ ngày 27/04/2013)	(iii)
Ông Phùng Tân Cường	Ủy viên (đến hết ngày 26/04/2013)	(iii)
<b>Ban Giám đốc</b>		
Ông Đỗ Hồng Nguyên	Giám đốc (từ ngày 01/03/2013)	(iv)
Ông Phạm Công Hương	Giám đốc (đến hết ngày 28/02/2013)	(v)
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Giám đốc	
Ông Lê Văn Duẩn	Phó Giám đốc	
Ông Lê Việt Phương	Phó Giám đốc	

- (i) Theo Nghị quyết HĐQT số 04.13/NQ - HĐQT ngày 16/03/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin.
- (ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 03.13/NQ - VIMCC ngày 16/03/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin.
- (iii) Theo Nghị quyết HĐQT số 05.13/NQ - VIMCC ngày 27/04/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin.
- (iv) Theo Nghị quyết HĐQT số 02.13/NQ - VIMCC ngày 01/03/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin và Quyết định số 01.HĐQT/QĐ-VIMCC ngày 01/03/2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin.
- (v) Theo Nghị quyết HĐQT số 02.13/NQ - HĐQT ngày 16/03/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin và Quyết định số 02.HĐQT/QĐ - VIMCC ngày 01/03/2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp – Vinacomin.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN**  
Địa chỉ: Số 565 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**TRỤ SỞ**

Công ty có trụ sở tại số 565 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

**Công ty con**

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư than Uông Bí

**Ghi chú**

Kể từ ngày 01/09/2012

**Các đơn vị hạch toán phụ thuộc**

1. Xí nghiệp Thiết kế than Hòn Gai
2. Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp và Xây dựng
3. Xí nghiệp Thương mại và Chuyển giao Công nghệ

**Công ty liên kết**

1. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ Lương Sơn

Đăng ký lần đầu ngày 20/02/2012

**CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY**

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, các hoạt động chính của Công ty bao gồm: Tư vấn thiết kế, chuyển giao công nghệ, hoạt động thương mại. Ngoài ra, không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi chức năng hoạt động kinh doanh đã được cho phép.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán bị phản ánh sai lệch.

**CÔNG TY KIỂM TOÁN**

Công ty TNHH kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN  
Địa chỉ: Số 565 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**Ý KIẾN CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (*đính kèm*) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Đỗ Hồng Nguyên  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2013



Tel: +84 (0)4 37833911/12/13  
Fax: +84 (0)4 37833914  
www.bdo.vn

20<sup>th</sup> Floor, Icon 4 Tower  
243A De La Thanh St  
Dong Da District, Hanoi,  
Vietnam

Số: 267/2013/BCKT - BDO

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013  
của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mô và Công nghiệp - Vinacomin

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mô và Công nghiệp - Vinacomin**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mô và Công nghiệp – Vinacomin bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được lập tại ngày 14/08/2013 và trình bày từ trang 05 đến trang 30 đính kèm.

Báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mô và Công nghiệp – Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán.

### *Cơ sở để đưa ra ý kiến*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp. Việc xem xét này không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mô và Công nghiệp – Vinacomin tại ngày 30/06/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO**



**Mai Lan Phương**  
Tổng Giám đốc  
GCNĐKHNKT số: 0077-2013-038-1

**Nguyễn Thị Hồng Liên**  
Kiểm toán viên  
GCNĐKHNKT số: 0445-2013-038-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01a-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>96.246.941.414</b>	<b>123.374.198.917</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV.01</b>	<b>6.891.254.146</b>	<b>25.247.713.802</b>
1. Tiền	111		6.891.254.146	25.247.713.802
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>149.000.000</b>	<b>149.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	IV.02	149.000.000	149.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.652.164.483</b>	<b>66.958.709.681</b>
1. Phải thu khách hàng	131		40.411.206.357	62.050.720.359
2. Trả trước cho người bán	132		1.721.002.838	2.575.837.143
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		975.355.764	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV.03	1.715.184.734	3.502.737.389
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.170.585.210)	(1.170.585.210)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>IV.04</b>	<b>41.074.785.568</b>	<b>28.362.927.292</b>
1. Hàng tồn kho	141		41.074.785.568	28.362.927.292
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.479.737.217</b>	<b>2.655.848.142</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.05	271.557.854	126.555.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		131.156.654	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	IV.06	202.585.700	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV.07	3.874.437.009	2.529.292.339
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>14.010.217.766</b>	<b>15.481.733.220</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.460.054.865</b>	<b>11.926.733.029</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.08	10.284.443.047	11.743.121.211
- Nguyên giá	222		29.626.568.250	31.724.211.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.342.125.203)	(19.981.090.701)
2. Tài sản cố định vô hình	227	IV.09	24.000.000	32.000.000
- Nguyên giá	228		559.088.160	596.254.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(535.088.160)	(564.254.630)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV.10	151.611.818	151.611.818
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.400.000.000</b>	<b>2.400.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	IV.11	2.400.000.000	2.400.000.000
<b>III Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>1.150.162.901</b>	<b>1.155.000.191</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	IV.12	546.912.989	551.750.279
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		603.249.912	603.249.912
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>110.257.159.180</b>	<b>138.855.932.137</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01a-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>81.543.021.968</b>	<b>114.158.786.162</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>79.860.269.368</b>	<b>110.784.401.562</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV.13	14.106.747.361	16.428.083.044
1. Phải trả người bán	312		16.732.570.444	36.683.568.666
2. Người mua trả tiền trước	313		25.379.375.127	18.688.584.789
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV.14	616.370.608	6.972.921.138
4. Phải trả người lao động	315		10.208.225.453	12.941.266.104
5. Chi phí phải trả	316	IV.15	2.027.761.767	3.206.550.857
7. Phải trả nội bộ	317	IV.16	2.591.686.176	2.591.686.176
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV.17	6.847.699.554	10.416.745.474
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.349.832.878	2.854.995.314
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.682.752.600</b>	<b>3.374.384.600</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	IV.18	1.630.796.800	3.322.428.800
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		51.955.800	51.955.800
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>27.449.797.706</b>	<b>23.719.506.708</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>IV.19</b>	<b>25.497.899.706</b>	<b>23.675.010.708</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.102.350.334	4.102.350.334
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.463.373.816	2.463.373.816
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		566.114.710	566.114.710
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.366.060.846	543.171.848
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.951.898.000</b>	<b>44.496.000</b>
1. Nguồn kinh phí	432		1.951.898.000	44.496.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>1.264.339.506</b>	<b>977.639.267</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>110.257.159.180</b>	<b>138.855.932.137</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	30/06/2013	31/12/2012
1. Tài sản thuê hoạt động		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		10.569,33	10.705,02

Người lập  
Đỗ Ngọc Hải

Kế toán trưởng  
Lê Đức Tuấn



Giám đốc  
Đỗ Hồng Nguyên  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 02a-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		104.504.284.157	68.857.325.926
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	V.20	104.504.284.157	68.857.325.926
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	V.21	90.552.086.136	56.650.544.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.952.198.021	12.206.781.875
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22	135.711.037	151.889.209
7. Chi phí tài chính	22	V.23	1.286.514.503	1.330.170.732
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.090.413.490	827.001.529
8. Chi phí bán hàng	24		540.567.674	721.623.295
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.555.139.659	9.274.807.435
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		2.705.687.222	1.032.069.622
11. Thu nhập khác	31		124.383.109	572.800.978
12. Chi phí khác	32		16.818.015	91.097.510
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		107.565.094	481.703.468
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50=30+40)	50		2.813.252.316	1.513.773.090
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	703.663.079	378.443.273
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.109.589.237	1.135.329.818
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		286.700.239	-
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		1.822.888.998	1.135.329.818
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.25	1.318	710

Người lập  
Đỗ Ngọc Hải

Kế toán trưởng  
Lê Đức Tuấn



Giám đốc  
Đỗ Hồng Nguyên  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013



**BÁO CÁO THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH**  
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị: VND						
ST T	Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối kỳ
A	B	C	1	2	3	4 = (1+2-3)
I	Thuế	10	6.972.921.138	9.440.698.483	15.999.834.713	413.784.908
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	4.701.445.585	7.119.200.556	11.287.872.569	532.773.572
-	Thuế GTGT hàng bán nội địa		4.701.445.585	4.886.127.601	9.072.638.563	514.934.623
-	Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-	2.233.072.955	2.215.234.006	17.838.949
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	12	-	-	-	-
3	Thuế xuất nhập khẩu	13	-	147.374.305	139.497.614	7.876.691
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	1.057.834.709	703.663.079	1.964.083.488	(202.585.700)
5	Thuế thu nhập cá nhân	15	1.213.640.844	896.292.559	2.034.213.058	75.720.345
6	Thuế tài nguyên	16	-	-	-	-
7	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	17	-	567.167.984	567.167.984	-
8	Thuế môn bài	18	-	-	-	-
9	Các loại thuế khác	19	-	7.000.000	7.000.000	-
II	Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
1	Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2	Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3	Phí bảo vệ môi trường	33	-	-	-	-
4	Các khoản khác	34	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>	<b>6.972.921.138</b>	<b>9.440.698.483</b>	<b>15.999.834.713</b>	<b>413.784.908</b>

Người lập  
Đỗ Ngọc Hải

Kế toán trưởng  
Lê Đức Tuấn



Giám đốc  
Đỗ Hồng Nguyên  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013